| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN M**<br>**TỈNH SÓC TRĂNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

*Bản án số:48/2020/DS-ST*
*Ngày: 30/12/2020*
*V/v:" Tranh chấp hụi và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại".*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Mai Thị Dương Hải

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Ngô Văn Cơ
2. Ông Bùi Anh Đức

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Tô Văn Đằng – Thư ký Toà án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa*:** Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2020/TLST-DS, ngày 02 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp hụi và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2020QĐXXST-DS, ngày 17/11/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Dương Thị Bích T, sinh năm 1964 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 98 ấp V , xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955 (có mặt)

Địa chỉ: Số 82 ấp A, xã G2, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1981. (có mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1985 (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Tuấn E, sinh năm 1988 (vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Diễm T1, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 82 ấp A, xã G2, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*- Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/09/2020, nguyên đơn bà Dương Thị Bích T trình bày:*

Trước đây vào năm 2018, tôi là hụi viên, bà L là chủ hụi, tôi có tham gia 1 dây hụi nhưng tôi không nhớ cụ thể và sau khi bà L chết thì con dâu và con gái bà L kết sổ với tôi thì yêu cầu tôi xin trả số nợ là 11.535.000đ là số tiền vốn tôi đóng vô, không tính lãi.

Sau khi bà L chết thì con dâu và con gái bà L kết sổ với bà thì bà L còn nợ bà số tiền hụi là 11.535.000đ là số tiền vốn mà bà đã đóng vô, không tính lãi. Ngày 09/3/2020 ông Nguyễn Văn T làm giấy nhận nợ là còn nợ bà số tiền 11.535.000 đồng, hứa đến ngày 09/9/2020 sẽ trả đủ cho bà, nhưng đến hẹn thì ông T không thực hiện. Nay, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T và các con có trách nhiệm thanh toán cho bà số tiền 11.5325.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

- *Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày*: Việc chơi hụi do vợ ông là bà Nguyễn Ngọc L làm chủ hụi, nhưng nay bà L đã chết nên ông và các con cộng sổ hụi lại thì thấy bà T đã có đóng hụi cho bà L số tiền vốn tổng cộng là 11.535.000đ. Nay ông T cũng thống nhất hoàn trả cho bà T số tiền hụi mà bà L còn nợ là 11.535.000đ, nhưng do hiện nay ông không có khả năng thanh toán nên không trả cho bà T được.

- Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tuấn A trình bày: Ông là con chung của ông T và bà L, ông có biết việc góp hụi giữa mẹ ông và bà T nhưng không biết cụ thể như thế nào. Nay ông A không thống nhất trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà T.

- Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Tuấn E, bà Nguyễn Thị Diễm T1, bà Nguyễn Thị Diễm T mặc dù Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại địa phương nhưng các đương sự nêu trên cũng không đến Toà án để tham gia hoà giải và tham gia phiên toà xét xử sơ thẩm, không gửi ý kiến bằng văn bản cho Toà án biết về ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về đường lối giải quyết vụ án là đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông T phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà T ½ số nợ là 5.767.500đ, số nợ ½ còn lại 5.767.500đ ông T cùng những người con là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà T và trả trong phạm vi di sản do bà L để lại. Đối với ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

***- Về thủ tục tố tụng:*** Nguyên đơn bà Dương Thị Bích T có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các con chung của ông Tư và bà l gồm ông Nguyễn Tuấn E, bà Nguyễn Thị Diễm T1, bà Nguyễn Thị Diễm T mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy áp dụng điểm a, b, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với bà T1, ông E, bà T, bà T.

***- Về nội dung:***

* Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Trước đây khi thụ lý Tòa án đã thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hụi". Nay Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là *"Tranh chấp hụi và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại"* thì mới chính xác và phù hợp với quy định của pháp luật.

*** Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán số tiền hụi chết chưa đóng là 11.535.000đ, Hội đồng xét xử xét thấy**:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất với nhau về số tiền hụi còn nợ là 11.535.000đ, căn cứ Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử công nhận đây là sự thật.

[2] Tại phiên toà hôm nay ông T đã thừa nhận còn nợ bà T số tiền hụi chưa giao là 11.535.000đ. Nay ông T cũng đồng ý hoàn trả cho bà T số tiền 11.535.000đ nhưng hiện nay hoàn cảnh gia đình ông T đang gặp khó khăn nên không có khả năng trả cho bà T.

[3] Xét thấy, nguyên nhân phát sinh tranh chấp là trước đây bà L làm chủ hụi, bà L chưa thanh toán tiền góp hụi cho hụi viên. Mặc dù hiện nay bà L đã chết nhưng sau khi bà L chết thì ông T cùng các con của ông T đã kết sổ để tính số tiền hụi mà bà L còn nợ bà T theo giấy nhận nợ ngày 09/3/2020. Tại phiên toà bị đơn đã thừa nhận có hợp đồng góp hụi với nguyên đơn và hiện còn nợ nguyên đơn số tiền hụi là 11.535.000đ. Từ đó Hội đồng xét xử đã đủ căn cứ để xác định việc bà T và bà L có hợp đồng góp hụi với nhau và sau khi bà L chết thì gia đình ông T và các con đã kết sổ và hiện còn nợ bà T số tiền hụi chưa trả là có thật và việc bà T khởi kiện đòi ông T cùng các con ông T phải hoàn trả tiền hụi còn nợ là có cơ sở.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại Điều 23 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/2/2019 quy định về trách nhiệm của chủ họ do không giao hoặc giao không đầy đủ các phần họ cho thành viên được lĩnh họ. Trường hợp đến kỳ mở họ mà chủ họ không giao các phần họ cho thành viên được lĩnh họ thì chủ họ có trách nhiệm đối với thành viên đó như sau: Thực hiện đúng nghĩa vụ quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 18 của Nghị định này. Theo qui định về nghĩa vụ của chủ họ tại Điều 18 là chủ họ có trách nhiệm giao các phần họ cho thành viên lĩnh họ tại mỗi kỳ mở họ.

Căn cứ theo quy định trên thì bà L là vợ ông T đã vi phạm nghĩa vụ giao tiền hụi cho bà T theo như phương thức hợp đồng góp hụi mà các bên đã giao kết, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T.

Ngoài ra theo quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: *"Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây: 1. Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà theo quy định của pháp luật vợ chồng cùng phải chịu trách nhiệm; 2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình*. Tại phiên tòa ông Tư cũng thừa nhận việc chơi hụi của bà L là nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, vì vậy đây cần xem đây là nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng và mỗi người phải chịu trách nhiệm trả ½ các khoản nợ. Ngoài ra

theo quy định tại khoản 1 Điều 615 Bộ luật dân sự năm 2015 thì những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Do hiện nay bà L đã chết nên cần buộc ông T phải có trách nhiệm trả cho bà T ½ khoản nợ và ½ số nợ còn lại ông T cùng các con phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà T, trả trong phạm vi di sản mà bà L để lại.

Qua xác minh về những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà l gồm: Ông Nguyễn Văn T, các con chung của ông Tư và bà L gồm: ông Nguyễn Tuấn A, bà Nguyễn Thị Diễm T, bà Nguyễn Thị Diễm T1, ông Nguyễn Tuấn E, còn cha, mẹ bà L hiện đã chết.

Tòa án cũng đã xác minh về tài sản chung của ông Tư và bà L và theo công văn trả lời của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Mỹ Xuyên thì hiện nay tài sản của ông T và bà l còn lại là 03 thửa đất tại thửa số 765, thửa 378, thửa 381 hiện chưa thực hiện việc chuyển quyền cho cá nhân, tổ chức nào.

Do đó Hội đồng xét xử cần xử buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Dương Thị Bích T ½ số tiền hụi là 5.767.500đ, ông Nguyễn Văn T và các người con gồm ông Nguyễn Tuấn A, bà Nguyễn Thị Diễm T, bà Nguyễn Thị Diễm T1, ông Nguyễn Tuấn E phải có trách nhiệm liên đới hoàn hoàn trả cho bà Phương ½ số tiền hụi còn lại là 5.767.500đ, trách nhiệm trả nợ chỉ trả trong phạm vi di sản mà bà L để lại là có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật.

*[5] Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận do đó bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 576.500đ, tuy nhiên theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 thì ông T là người cao tuổi do đó bị đơn thuộc trường hợp được miễn tiền án phí không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, (phần ông T được miễn là 346.050đ). Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu 230.700đ án phí. Nguyên đơn không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật .

[3] Đối với ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 14 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1,3 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 357; Điều 468; Điều 471; Điều 615 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 27; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 18, Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

**Tuyên xử:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Bích T.

1/. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Dương Thị Bích T số tiền hụi còn nợ là 5.767.500đ.

2/. Buộc ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Tuấn A, ông Nguyễn Tuấn E, bà Nguyễn Thị Diễm T, bà Nguyễn Thị Diễm T1 phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Dương Thị Bích T số tiền hụi còn nợ là 5.767.500đ, chỉ trả nợ trong phạm vi di sản do bà l để lại.

3/. Khi bản án có hiệu lực pháp luật và bà Dương Thị Bích T có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Tuấn A, ông Nguyễn Tuấn E, bà Nguyễn Thị Diễm T1, bà Nguyễn Thị Diễm T chậm trả số tiền nêu trên cho bà T thì ông T, ông Tuấn A, ông Tuấn E, bà T, bà T1 phải trả lãi đối với số tiền trả chậm theo lãi suất mức lãi suất 10%/năm quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Dương Thị Bích T không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005601 ngày 01/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T được miễn, không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Tuấn A, ông Nguyễn Tuấn E, bà Nguyễn Thị Diễm T1, bà Nguyễn Thị Diễm T phải liên đới nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 230.700đ, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Thị Dương Hải**